PHỤ LỤC 1:

**BÁO CÁO THỰC LỰC TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ NGHIỆP VỤ**

**CỦA CÔNG AN TỈNH HÀ NAM**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phương tiện, thiết bị nghiệp vụ** | **Đơn vị tính****(chiếc/bộ/hệ thống)** | **Số lượng** | **Đánh giá chất lượng** | **Đơn vị hiện đang quản lý, sử dụng** | **Ghi chú** |
| **Định mức** | **Số lượng hiện đang quản lý/sử dụng** |  | **Tốt** | **kém** | **Thời hạn sử dụng** | **Phòng PC04** | **Đội CSĐTTP về ma túy** | **Tổ** **(CA cấp phường/xã)** |  |
| **So sánh** |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5)= (9)+(10)+(11) | (6)=(5)-(4) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) |
| **I** | **Phương tiện** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị nghiệp vụ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**CÁN BỘ LẬP BẢNG THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**Ghi chú:**

1. Đơn vị ghi tên và đơn vị tính của phương tiện/thiết bị nghiệp vụ cần ghi đúng theo tên trong biên bản bàn giao hoặc phiếu xuất kho

2. Định mức trang thiết bị nghiệp vụ căn cứ vào phân loại đơn vị hành chính của từng địa phương. Do đó, khi thống kê số lượng thiết bị nghiệp vụ vào cột (4) đề nghị đơn vị gửi kèm theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính của địa phương để làm căn cứ.

3.Thông tin điền vào cột số (9), (10) và (11) là sống lượng phương tiện, thiết bị nghiệp vụ mà từng cấp đang quản lý. Tổng số lượng phương tiện, thiết bị nghiệp vụ thuộc cột số (9), (10), (11) bằng số lượng phương tiện, thiết bị nghiệp vụ trong cột số (5).

4. Cột số (7), (8): đơn vị thống kê số lượng thiết bị Tốt và số lượng thiết bị kém. Tổng số lượng tại cột số (7), (8) bằng số lượng tại cột số (5).

5. Đối với phương tiện nghiệp vụ là ô tô, đề nghị thống kê theo loại xe: 4 chỗ, 5 chỗ, 7 chỗ, xe chở phạm…